**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**KHỐI 12 NĂM HỌC 2020-2021**

# MÔN: LỊCH SỬ– LỚP 12

# PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

**BÀI 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)**

**Câu 1. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) kết thúc, miền Bắc đã cơ bản hoàn thành cuộc cách mạng nào?**

A. Cách mạng văn hóa. B. Cách mạng ruộng đất.

C. Cách mạng XHCN. D. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

# Câu 2. Ngày 10-10-1954 đi vào lịch sử Việt Nam với ý nghĩa là

A. ngày giải phóng Thủ đô. B. ngày kí Hiệp định Giơnevơ.

C. ngày quân Pháp rút khỏi miền Bắc. D. ngày Trung ương Đảng và Bác Hồ về Hà Nội.

# Câu 3. Ngày 16-5-1955, gắn với sự kiện nào ở miền Bắc Việt Nam?

A. Quân Pháp rút khỏi Hà Nội. B. Quân Pháp rút khỏi Hải Phòng.

C. Quân Pháp rút khỏi Quảng Ninh. D. Quân ta tiếp quản Thủ đô.

# Câu 4. Khi quân Pháp rút khỏi Việt Nam, điều khoản nào của hiệp định Giơnevơ năm 1954 chưa được thực hiện?

A.Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Bắc- Nam.

1. Để lại quân đội ở miền Nam.
2. Để lại cố vấn quân sự.
3. Không bồi thường chiến tranh.

# Câu 5. Mục đích của Mĩ trong việc thay chân Pháp ở miền Nam việt Nam là

1. giúp nhân dân miền Nam Việt Nam khắc phục hậu quả của chiến tranh.
2. thực hiện các điều khoản của Hiệp đinh Giơnevơ mà Pháp chưa thi hành.
3. biến miền Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.
4. thực hiện ý đồ kéo dài và quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương của Mĩ.

# Câu 6. Để biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự ở Đông Dương và Đông Nam Á, Mĩ đã

1. viện trợ cho Pháp để kéo dài và quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương.
2. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.
3. giúp đỡ nhân dân miền Nam Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh.
4. thực hiện các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ mà Pháp chưa thi hành.

# Câu 7. Sau Hiệp định giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là

1. tiến hành đấu tranh chống lại Mĩ – Diệm.
2. tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp.
3. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
4. chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN.

# Câu 8. Sau Hiệp định giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

1. tiến hành cách mạng ruộng đất.
2. tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp.
3. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.
4. tiến hành cách mạng XHCN.

C. “Người cày có ruộng”. D. “Không bỏ ruộng đất hoang”.

D. Tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện chủ trương “người cày có ruộng”

# Câu 9. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền với hai chế độ chính trị khác nhau là đặc điểm nổi bật của tình hình nước ta sau Hiệp định nào?

A. Hiệp định Pari. B. Hiệp định Sơ bộ.

C. Hiệp định Giơne vơ. D. Hiệp định Hoa – Pháp.

# Câu 10. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) diễn ra trong bối cảnh nào?

1. Cách mạng 2 miền Nam – Bắc có những bước tiến quan trọng.
2. Cách mạng miền Nam Việt Nam đang đứng trước những khó khăn.
3. Cách mạng ở miền Bắc đang chống lại sự phá hoại nặng nề của Mĩ.
4. Cách mạng miền Nam gặp khó khăn, cách mạng miền Bắc thành công.

# Câu 11. Ngày 17-1-1960 tại Bến Tre nổ ra phong trào đấu tranh nào?

A. Chống bình định. B. Chống phá ấp chiến lược.

C. Đồng khởi. D. Trừ gian diệt ác.

# Câu 12. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam sau năm 1954 được Đảng Lao động Việt Nam xác định là

1. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.
2. chống lại sự bắn phá và ném bom ác liệt của chính quyền Mĩ – Diệm.
3. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.
4. tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ – Diệm.

# Câu 13. Hội nghị BCH TW lần thứ 15 (1-1959) đã thông qua quyết định nào?

1. Nhờ sự giúp đỡ của các nước ngoài để đánh Mĩ – Diệm.
2. Giành chính quyền bằng con đường đấu tranh hòa bình.
3. Dùng đấu tranh ngoại giao đánh đổ ách thống trị Mĩ – Diệm.
4. Sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

# Câu 14. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất. B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp. D. Có vai trò quyết định nhất.

# Câu 15. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng ( 9/1960) đã xác định nhiệm vụ của nhân dân miền Bắc là

1. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
2. đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
3. chi viện cho tiền tuyến miền Nam.
4. đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ ra miền Bắc.

# Câu 16. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng ( 9/1960) đã xác định vai trò của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam là

1. đánh Mĩ hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
2. thực hiện thống nhất nước nhà.
3. quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
4. bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

# Câu 17. Ngày 16/5/1955 lực lượng nào rút khỏi miền Bắc nước ta?

A. Quân Anh. B. Quân pháp. C. Quân Nhật. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

# Câu 18. Chính sách nào của Mĩ – Diệm đã gây khó khăn cho cuộc cách mạng miền Nam từ 1954- 1959?

1. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.
2. Thực hiện chính sách “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng”.
3. Phế truất Bảo Đại đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống.
4. Đặt Đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, ra luật “10/59”, công khai chém giết.

# Câu 19. Hình thức đấu tranh chủ yếu chống Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu đầu sau Hiệp định Giơnevơ là

A. đấu tranh vũ trang. B. đấu tranh chính trị, hòa bình.

C. khởi nghĩa giành chính quyền. D. dùng bạo lực cách mạng.

# Câu 20. Sau khi Pháp rút khỏi nước ta, Mĩ đã có hành động gì?

A.Biến nước ta làm căn cứ quân sự tiến đánh Trung Quốc.

1. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mĩ.
2. Trực tiếp đưa quân đội vào thay quân Pháp.
3. Đưa bọn tay sai Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.

# B/

**Câu 21. Một biện pháp được Mĩ và chính quyền Sài Gòn coi như “xương sống” và “quốc sách” ở miền Nam việt Nam trong những năm 1961-1965 là**

1. lập các „ khu trù mật”.
2. lập các “ vành đai trắng” để dễ bề khủng bố lực lượng cách mạng.
3. dồn dân lập “ấp chiến lược:
4. phong toả biên giới, vùng biển để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

# Câu 22. Trọng tâm của “ Chiến tranh đặc biệt” là gì ?

A. Dồn dân vào ấp chiến luợc. B. Dùng người Việt đánh người Việt.

C. Bình định miền Nam. D. Bình định miền Nam và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

# Câu 36. Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản chiến tranh đặc biệt của Mỹ ?

1. Ấp Bắc. B. Bình Giã C. Đồng Xoài. D. Ba Gia. **Câu 23. Âm mưu cơ bản của Mĩ trong chiến lược “ Chiến tranh đặc biệt” là** A.”dùng người Việt đánh người Việt”.
2. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
3. lập “Ấp chiến lược”.
4. bình định và tìm diệt.

# Câu 24. Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của lực lượng cách mạng miền Nam có tính chất mở màn cho việc đánh bại “ Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam?

A.Đồng Xoài ( Biên hoà). B.Ấp Bắc ( Mĩ Tho).

C.Bình giã ( Bà Rịa). D.Ba Gia ( Quãng Ngãi).

# Câu 25. Sự kiện chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ là?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Vạn Tường.

C. Chiến thắng Bình Giã. D. chiến thắng Đồng Xoài.

# Câu 26. Để thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mĩ đã sử dụng lực lượng quân đội nào là chủ yếu?

A. Quân đội Sài Gòn. B. Quân Mĩ.

C. Quân viễn chinh Mĩ. D. Quân Mĩ và quân viễn chinh.

# Câu 27. Chổ dựa của “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam là

A. hệ thống cố vấn Mĩ. B. “Ấp chiến lược”.

C. lực lượng quân đội tay sai. D. “Ấp chiến lược” và quân đội tay sai. **Câu 28 . Chiến thắng Bình Giã (2-12-1964) là thắng lợi của quân dân miền Nam chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ?**

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. B. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. Chiến lược “chiến tranh đơn phương”.

# Câu 29. Thắng lợi nào dưới đây *không* góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam?

A. Vạn Tường. B. An Lão. C. Đồng Xoài. D. Ba Gia.

# Câu 30. Thắng lợi nào dưới đây chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ?

A.Chiến thắng Bình Giã. B.Chiến thắng Ấp Bắc.

C.Chiến thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Đồng Xoài.

# Câu 31. Điểm khác nhau cơ bản giữa Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) với đại hội lần thứ II (2-1951)

A. thông qua báo cáo chính trị. B. bầu Ban chấp hành trung ương đảng.

C. xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. D. thông qua nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. **Câu 32. “Ấp chiến lược” được coi là “xương sống” của chiến lược chiến tranh nào Mĩ thực hiện ở miền Nam Viêt Nam từ 1961-1973**

A. chiến tranh đặc biệt. B. chiến tranh Cục bộ.

C. Việt Nam hóa chiến tranh. D. Đông Dương hóa chiến tranh.

# Câu 33. Nội dung nào dưới đây là một trong những ưu điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9-1960)?

A.Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

1. Đề ra nhiệm vụ chiến lược cà nước và cách mạng từng miền.
2. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
3. Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

# BÀI 22:

**NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)**

# A/

**Câu 1. Sự kiện nổi bật nhất đã diễn ra vào ngày 6/6/1969 tại miền Nam Việt Nam là**

1. thành lập Hội thanh niên cứu quốc.
2. thành lập ủy ban giải phóng miền Nam việt Nam.
3. thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
4. thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

# Câu 2. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là

1. chính phủ bí mật của nhân dân miền Nam.
2. chính phủ đặc biệt của nhân dân miền Nam.
3. chính phủ bất hợp pháp của nhân dân miền Nam.
4. chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.

# Câu 3. Mĩ buộc phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam sau thất bại của

A. Hội nghị Pari năm 1973. B. chiến thắng Vạn Tường (1965).

C. cuộc tiến công chiến lược năm 1972. D. cuộc tiến công và nổi dậy Xuân thân (1968).

# Câu 4. Hướng tiến công chủ yếu của quân ta trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 là

A. Đông Nam Bộ. B. Quảng Trị. C. Tây Nguyên. D. Liên khu V.

# Câu 5. Đối với nhân dân Việt Nam, việc kí kết hiệp định Pari năm 1973 có ý nghĩa là

1. khẳng định đất nước Việt Nam đã hoàn toàn độc lập.
2. mở ra bước ngoặt mới tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.
3. khẳng định thắng lợi to lớn của nhân dân 3 nước Đông Dương.
4. kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

# Câu 6. Chiến thắng Vạn Tường (8-1965) được xem là sự kiện mở đầu cao trào

A. “Tìm Mĩ mà đánh – lùng ngụy mà diệt”. B. “Tìm Mĩ mà diệt – lùng ngụy mà đánh”.

C. “Lùng Mĩ mà đánh – tìm ngụy mà diệt” D. “noi gương Vạn Tường, giết giặc lập công”.

# Câu 7. Trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch là

A. Đà Nẵng, Tây Nguyên và Sài Gòn. B. Quảng Trị, Đà Nẵng và Tây Nguyên.

C. Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn. D. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. **Câu 8. Lí do trực tiếp buộc Mĩ phải chấp nhận kí Hiệp Định Pari (27/7/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập hòa bình ở việt Nam là**

1. thất bại sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.
2. thất bại của Mĩ khi mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng cuối 1972.
3. quân và dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận “ĐBP trên không”
4. cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch.

# Câu 9. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pari năm 1973 đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta là

1. làm phá sản hoàn toàn chiến lược “VN hóa CT” của Mĩ.
2. đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “ngụy nhào”.
3. tạo cơ hội thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “ngụy nhào”.
4. tạo cơ hội thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “ngụy nhào”.

# Câu 10. Trận “Điện Biên Phủ trên không” là kết quả của chiến thắng lịch sử nào của quân dân ta?

1. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.
2. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.
3. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc.
4. Đánh bại 2 lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

# Câu 11. Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pari do thất bại bất ngờ, choáng váng trong

1. chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
2. cuộc tập kích chiến lược của ta vào tết Mậu Thân 1968.
3. chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
4. âm mưu tập kích bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng cuối 1972.

# Câu 12: Thắng lợi chung của ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trên mặt trận ngoại giao trong chiến đấu chống „Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

1. Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
2. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
3. Mĩ phải rút hết quân về nước.
4. Hiệp định Pari được kí kết.

# Câu 13. Được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao khi mới ra đời. Đó là

1. chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
2. chính phủ nước Cộng Hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam.
3. chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.
4. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

# Câu 14. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã buộ Mĩ phải

1. thay đổi lập trường chiến tranh ở Việt Nam.
2. chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari.
3. chấp nhận những điều khoản của Hiệp định Pari.
4. chấp nhận đàm phán chính thức 4 bên tại hội nghị.

# Câu 15. Trong chiến lược chiến tranh cục bộ Mĩ đề ra chiến lược quân sự mới “Tìm diệt” nhằm mục đích gì?

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh. B. Tạo thuận lợi trên bàn ngoại giao.

C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường. D. Ngăn chặn tiếp viện từ Bắc vào Nam.

# Câu 16. Việc quyết định tương lai chính trị ở miền Nam Việt Nam trong nội dung của Hiệp định Pari so với Hiệp định Giơnevơ?

1. Không có sự can thiệp của nước ngoài.
2. Dưới sự giám sát của Ủy ban quốc tế.
3. Dưới sự giám sát của Tổng thư kí Liên hợp quốc.
4. Dưới sự giám sát của Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp.

# B/

**Câu 17. So với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” có điểm mới là**

A. mở rộng chiến tranh xâm lược Lào. B. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

C. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. D. mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia. **Câu 18. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pari (1968)?**

A. “Chiến tranh đặc biệt”. B. “Việt Nam hóa chiến tranh”

C. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. D. “Chiến tranh cục bộ”

# Câu 19. Ba loại hình chiến lược “CTĐB”, “CTCB”, “VN hóa CT” của Mĩ ở Việt Nam có điểm gì giống nhau?

1. Quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dươpng.
2. Sử dụng quân đội Sài Gòn, do Mĩ chỉ huy, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.
3. Sử dụng quân Mĩ và quân đồng minh Mĩ với sự viện trợ quân sự cho quân đội Sài Gòn.
4. Có cố vấn Mĩ chỉ huy, tranh thủ ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc để cô lập ta.

# Câu 20. Đầu những năm 70, Mĩ lợi dụng mâu thuẫn Trung – Xô, thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô nhằm

1. tạo cớ cho 2 nước này gây chiến tranh với nhau.
2. buôn bán vũ khí cho 2 bên trong chiến tranh.
3. hạn chế sự giúp đỡ đối với cuộc kháng chiến của Việt Nam.
4. khống chế 2 nước về kinh tế - chính trị.

# Câu 21. So với chiến lược “CTCB”, chiến lược “VN hóa CT” có điểm khác biệt là

A. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. B. sử dụng quân đội Sài Gòn.

C. là hình thức chiến tranh thực dân mới. D. mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. **Câu 22. Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “CTCB” so với chiến lược “CTĐB” là gì?**

1. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
2. Sử dụng các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
3. Huy động lực lượng lớn quân Đồng minh của Mĩ tham gia.
4. Sử dụng quân đội Mĩ, quân Đồng minh và đánh phá miền Bắc.

# Câu 23. Ý nào sau đây *không* phản ánh đúng điểm giống nhau giữa 2 chiến lược “CTCB” và “CTĐB” ?

1. Đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới.
2. Đều hoạt động phối hợp phá hoại miền Bắc.
3. Đều có quân Mĩ trực tiếp chiến đấu, vừa là cố vấn chỉ huy.
4. Đều phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.

# Câu 24. Điểm khác nhau giữa “Việt nam hóa chiến tranh” và “Chiến tranh đặc biệt” là gì ?

1. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mỹ.
2. Có sự phối hợp đáng kể cuả lực lượng chiến đấu Mỹ
3. Dưới sự chỉ huy cuả hệ thống cố vấn quân sự Mỹ.
4. Sử dụng lực lượng chủ yếu là quân nguỵ.

# Câu 25. Nội dụng quan trọng nhất của Hiệp định Pari năm 1973 là

1. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của VNam.
2. Hoa Kì rút hết quân đội và quân các nước Đồng minh về nước.
3. nhân dân Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử tự do.
4. hai bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

# Câu 26. Trong chiến lược “VN hóa CT” và “Đông dương hóa CT” Mĩ đã sử dụng âm mưu thâm độc nào gây bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

A.Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

1. Tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
2. Tiếp tục dùng âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt”.
3. Dùng thủ đoạn ngoại giao.

# Câu 27. Điểm khác biệt giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mĩ là

1. tăng số lượng quân ngụy.
2. tiến hành các cuộc hành quân tiêu diệt lực lượng cách mạng.
3. mở rộng đánh phá miền Bắc.
4. tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Campuchia.

# Câu 28. Điểm giống nhau cơ bản nhất giữa chiến tranh cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh là hình thức

1. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu của Mĩ.
2. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
3. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, sử dụng quân đội Mỹ là chủ yếu.
4. chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

# Câu 29. Điểm mới của “ chiến tranh cục bộ” so với “chiến tranh đặc biệt” như thế nào?

1. Có sự tham gia của quân đội Mĩ và quân đồng minh Mĩ.
2. Sự tham gia quân đội Sài Gòn với viện trợ Mĩ.
3. Phạm vi chiến tranh lan rộng khắp Đông Dương.
4. Mức độ chiến tranh ngang nhau, chưa ác liệt.

# Câu 30. Mĩ thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” trong chiến lược nào dưới đây ?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” . B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. **Câu 31: Mĩ dùng thủ đoạn ngoại giao nào dưới đây để hạn chế sự giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến của ta?**

1. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.
2. Liên kết chặt chẽ với các nước Tây Âu.
3. Kêu gọi Liên Hợp Quốc ủng hộ Mĩ.
4. Thành lập khối SEATO.

# Câu 32: Ý nghĩa nào dưới đây *không* phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari?

1. Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.
2. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược.
3. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
4. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất.

# Câu 33: “Việt Nam hóa chiến tranh” nằm trong chiến lược nào của Mĩ?

A. Chiến lược toàn cầu. B. Chiến lược phản ứng linh hoạt.

C. Chiến lược cam kết và mở rộng. D. Chiến lược ngăn đe thực tế.

# Câu 34: Điều khoản nào trong Hiệp định Pari có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

1. Hoa kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.
2. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền.
3. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ.
4. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đông minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.

# Câu 35: Điểm giống nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với các loại hình chiến tranh trước đó là gì?

1. Đều là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.
2. Đều có quân đội Mĩ, quân đồng minh Mĩ tham gia.
3. Lực lượng chủ yếu là quân Ngụy tay sai.
4. Lực lượng chủ yếu là quân đội Mĩ.

# Câu 36. Để hạn chế sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta, Mĩ đã dùng thủ đoạn nào?

A. Thủ đoạn chính trị. B. Thủ đoạn ngoại giao. C. Thủ đoạn văn hóa. D. Thủ đoạn kinh tế.

# BÀI 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG

**HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)**

# A/

**Câu 1. Âm mưu của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973 là**

A. biến miền Nam thành quốc gia tự trị. B. chuẩn bị đánh chiếm vùng giải phóng.

C. tiếp tục gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. D. phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh.

# Câu 2. Sau Hiệp Pari năm 1973, Mĩ đã có hành động gì ở miền Nam Việt Nam?

1. Mĩ hóa chiến tranh xâm lược Việt Nam.
2. Giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện cho chính quyền Sài Gòn.
3. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho Việt Nam.
4. Rút hết quân đội và cố vấn ra khỏi miền Nam Việt Nam.

# Câu 3. Chính quyền Sài Gòn đã thực hiện hành động gì để phá hoại Hiệp định Pari năm 1973?

1. Từ chối tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
2. Tổ chức những cuộc hành quân tìm diệt, đánh vào căn cứ của ta.
3. Mở các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng.
4. Đàn áp, khủng bố những hoạt động yêu nước của nhân dân miền Nam.

# Câu 4. Để phá hoại Hiệp định Pari 1973, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành chiến dịch

A. “tràn ngập lãnh thổ”. B. “trả đũa ồ ạt”.

C. “tìm diệt và bình đinh”. D. “bình định lấn chiếm”

# Câu 5. Lí do quyết định để Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam là

1. quân Mĩ và quân đồng minh rút khỏi miền Nam, ngụy mất chổ dựa.
2. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn, quân ngụy mất chổ dựa.
3. Sau chiến thắng Phước Long, so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.
4. Khả năng chi viện tốt của chiến trường miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

# Câu 6. Hội nghị lần thứ 21 (7-1973) của BCH Trung ương Đảng họp và đã nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là

A. chính quyền Sài Gòn. B. Mĩ và đồng minh của Mĩ.

C. đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn. D. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

# Câu 7. Hội nghị lần thứ 21 (7-1973) của BCH Trung ương Đảng họp đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

1. xây dựng và củng cố vùng giải phóng.
2. thực hiện triệt để “người cày có ruộng”.
3. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
4. đòi Mĩ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari.

# Câu 8. Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết định chọn hướng tiến công chủ yếu của ta trong năm 1975 là

A. Quảng Trị. B. Tây Nguyên. C. Huế. D. Đà Nẵng.

# Câu 9. Sự kiện lịch sử nào đã diễn ra vào thời điểm 11h30 phút ngày 30-4-1975?

1. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.
2. Quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh.
3. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.
4. Xe tằng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.

# Câu 10. Tỉnh cuối cùng của miền Nam Việt Nam được giải phóng là

A. Cà Mau. B. Bạc Liêu. C. Rạch Giá. D. Châu Đốc. **Câu 11. Hoàn cảnh lịch sử tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam Việt Nam kể từ đầu năm 1973 là**

1. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền Bắc.
2. Mĩ kí Hiệp định Pari và rút quân đội ra khỏi nước ta.
3. Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình ở Lào.
4. vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.

# Câu 12. Thực chất hành động phá hoại Hiệp định Pari của chính quyền Sài Gòn là

1. tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa CT” của Nich xơn.
2. củng cố niềm tin cho binh lính Sài Gòn.
3. thực hiện chiến lược phòng ngự “quét và giữ”.
4. hỗ trợ cho “chiến tranh đặc biệt tăng cường” ở Lào.

# Câu 13. Thắng lợi quân sự có ý nghĩa chiến lược trong hoạt động quân sự ở Nam Bộ cuối 1974 đầu 1975 của ta là

1. giải phóng tỉnh Bến Tre.
2. giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.
3. giải phong Xuân Lộc và toàn tỉnh Phước Long.
4. giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

# Câu 14. Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện lịch sử nào?

1. Quân Mĩ và quân đội Sài Gòn bắt đầu suy yếu.
2. Chính quyền và quân đội Sài Gòn khủng hoảng, suy yếu.
3. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ, có lợi cho cách mạng.
4. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ, ta mạnh hơn địch cả về thế và lực.

# Câu 15. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra như thế nào?

1. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.
2. Tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm 1975.
3. Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, cả năm 1975 là thời cơ.
4. Lập tức giải phóng miền nam trong 1975 nếu thời cơ đến.

# Câu 16. Trận đánh then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên là

A. Xuân Lộc. B. Kon Tum. C. Buôn Ma Thuột. D. Plâycu.

# Câu 17. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 lần lượt trãi qua 3 chiến dịch nào?

A. HCM, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng. B. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, HCM.

C. Tây Nguyên, HCM, Huế - Đà Nẵng. D. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, HCM.

# Câu 18. Phương châm tác chiến của ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975) là

A. “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc”. B. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”.

C. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. D. “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.

# Câu 18. Sau chiến thắng Phước Long (6/1/1975) thái độ của Mĩ đối với miền Nam là

A. phản ứng quyết liệt bằng ngoại giao. B. không phản ứng gì.

C. phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe dọa. D. đưa quân quay trở lại miền Nam.

# Câu 19. Vào lúc lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch

A. giải phóng Huế - Đà Nẵng. B. giải phóng Buôn Ma Thuật.

C. giải phóng Sài Gòn – Gia Định. D. giải phóng hoàn toàn miền Nam.

# Câu 20.Chiến thắng nào của ta đã kết thúc thắng lợi 21 năm kháng chiến chống Mĩ?

A. Chiến dịch Tây nguyên. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh. D. Hiệp định Pari (27-1-1973).

# Câu 21. Đầu năm 1975, quân ta ở miền Nam giành chiến thắng vang dội ở đâu?

A. Quảng Trị. B. Tây Nguyên. C. Phước Long. D. Tây Ninh.

# Câu 22. Sự đúng đắn và linh hoạt của Đảng ta trong chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam là

1. trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.
2. năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.
3. nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong 1975.
4. tranh thủ thời cơ, đánh nhanh thắng nhanh để đỡ để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa…giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

# Câu 23. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta trên toàn miền Nam đã chuyển sang giai đoạn

A. phòng ngự. B. phản công.

C. tiến công chiến lược. D. tổng tiến công chiến lược.

# Câu 24. Trong chiến dịch Tây Nguyên, ta chọn địa điểm nào để đánh nghi binh và thu hút quân địch?

A. Buôn MaThuột và Kon Tum. B. Plâycu và Kon Tum.

C. Kon Tum. D. Buôn MaThuột và Plâycu.

# B/

**Câu 25.Sự kiện lịch sử nào có ý nghĩa “từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thành cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam”?**

A. giải phóng Tây Nguyên. B. giải phóng Huế.

C. giải phóng Đà Nẵng. D. giải phóng Quảng Trị.

# Câu 26. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) là

C. tạo điều kiện để ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. làm mất tinh thần và khả năng chiến đấu của quân địch.

A. thắng lợi oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

D. chuyển cuộc kháng chiến từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược.

# Câu 27. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954- 1975) là

1. có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.
2. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là CT HCM.
3. truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân ta.
4. tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân 2 miền Nam – Bắc.

# Câu 28. Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975) là

1. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
2. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
3. kết hợp đấu tranh trên 3 mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.
4. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.

# Câu 29. Việc đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975-1976), nhưng nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” đã khẳng định

A. tính quyết liệt, mạo hiểm của Đảng. B. tính đúng đắn, sáng tạo và linh hoạt của Đảng.

C. tính khoa học, linh hoạt của Đảng. D. tính nhạy bén, sáng tạo của Đảng.

# Câu 30. Căn cứ vào điều kiện thời cơ như thế nào Đảng ta đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

1. Mĩ kí Hiệp định Pari và phải rút quân về nước.
2. Ở miền Nam chỉ còn duy nhất quân dội Sài Gòn.
3. Mĩ gặp khó khăn trong nước do chuẩn bị bầu cử Tổng thống.
4. So sánh lực lượng miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.

# Câu 31. Ý nào *không* phản ánh đúng sự đúng đắn, linh hoạt của Đảng trong việc đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

1. Dựa trên cơ sở nhận định đúng sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa ta và địch ngày càng có lợi cho ta.
2. Dựa trên nhận định quân Mĩ không có khả năng quay lại chiến trường miền Nam.
3. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm (1975-1976), dự đoán khả năng giải phóng sớm hơn (trong 1975) khi thời cơ đến nhanh bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy.
4. Nêu sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa…

# Câu 32. Vì sao trong chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) ta chọn Buôn Ma Thuật đánh trận mở màn ?

A. Lực lượng địch ở đây quá mỏng. B. Địch bố phòng có nhiều sơ hở.

C. Có vị trí chiến lược, then chốt ở Tây Nguyên. D. Lực lượng của ta ở đây rất mạnh.

# Câu 33. Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điên Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

1. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
2. Đập ta hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.
3. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng .
4. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

# Câu 34. Điểm giống nhau về quy mô giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. huy động đến mức cao nhất về lực lượng. B. sử dụng hầu hết các binh chủng, quân chủng. C.tấn công vào một tập đoàn cứ điểm mạnh. D. tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ cơ quan đầu não của địch.

# PHẦNII: TỰ LUẬN

**Bài 21:**

1/ Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

2/ Nhận xét được tác động của cách mạng mỗi miền và mối quan hệ khăn khít của cách mạng 2 miền Bắc

– Nam.

# Bài 22:

1/ Phân tích được ý nghĩa của: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968; Ý nghĩa của trận “ĐBP trên không”; cuộc Tiến công chiến lược 1972.

2/ Nhận xét được vai trò của hậu phương miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước 1954- 1975.

# Bài 23/

1/ Phân tích được ý nghĩa

+ Các chiến dịch trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 19752/

+Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cơứ nước.

2/ Đánh giá được sự lãnh đạo tài tinh, sáng tạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.